**Phụ lục XI**

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH ẢNH HƯỞNG LỚN**

**ĐẾN AN TOÀN, LỢI ÍCH CỘNG ĐỒNG**

*(Kèm theo Nghị định số 175/2024/NĐ-CP*

*ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ)*

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Công trình ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng là các công trình được đầu tư xây dựng mới và các công trình được cải tạo, sửa chữa làm thay đổi quy mô, công suất, công năng, kết cấu chịu lực chính trong danh mục dưới đây:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Mã số** | **Loại công trình** | | **Cấp công trình** |
| **I** | **CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG** | |  |
| I.1 | Nhà ở | Các tòa nhà chung cư, nhà ở tập thể khác | Cấp III trở lên |
| I.2 | Công trình công cộng |  |  |
| I.2.1 | Công trình giáo dục, đào tạo, nghiên cứu |  | Cấp III trở lên |
| I.2.2 | Công trình y tế |  | Cấp III trở lên |
| I.2.3 | Công trình thể thao | Sân vận động; nhà thi đấu (các môn thể thao); bể bơi; sân thi đấu các môn thể thao có khán đài | Cấp III trở lên |
| I.2.4 | Công trình văn hóa | Trung tâm hội nghị, nhà hát, nhà văn hóa, câu lạc bộ, rạp chiếu phim, rạp xiếc, vũ trường; các công trình di tích; bảo tàng, thư viện, triển lãm, nhà trưng bày; tượng đài ngoài trời; công trình vui chơi giải trí; công trình văn hóa tập trung đông người và các công trình khác có chức năng tương đương | Cấp III trở lên |
| I.2.5 | Công trình thương mại | Trung tâm thương mại, siêu thị | Cấp III trở lên |
|  |  | Nhà hàng, cửa hàng ăn uống, giải khát và các cơ sở tương tự | Cấp II trở lên |
| I.2.6 | Công trình dịch vụ | Khách sạn, nhà khách, nhà nghỉ; khu nghỉ dưỡng; biệt thự lưu trú; căn hộ lưu trú và các cơ sở tương tự; bưu điện, bưu cục, cơ sở cung cấp dịch vụ bưu chính, viễn thông khác | Cấp III trở lên |
| I.2.7 | Công trình trụ sở, văn phòng làm việc | Các tòa nhà sử dụng làm trụ sở, văn phòng làm việc | Cấp III trở lên |
| I.2.8 | Các công trình đa năng hoặc hỗn hợp | Các tòa nhà, kết cấu khác sử dụng đa năng hoặc hỗn hợp khác | Cấp III trở lên |
| I.2.9 | Công trình phục vụ dân sinh khác | Các tòa nhà hoặc kết cấu khác được xây dựng phục vụ dân sinh | Cấp II trở lên |
| **II** | **CÔNG TRÌNH CÔNG NGHIỆP** | | |
| II.1 | Công trình sản xuất vật liệu, sản phẩm xây dựng |  | Cấp III trở lên |
| II.2 | Công trình luyện kim và cơ khí chế tạo |  | Cấp III trở lên |
| II.3 | Công trình khai thác mỏ và chế biến khoáng sản |  | Cấp III trở lên |
| II.4 | Công trình dầu khí |  | Cấp III trở lên |
| II.5 | Công trình năng lượng |  | Cấp III trở lên |
| II.6 | Công trình hóa chất |  | Cấp III trở lên |
| II.7 | Công trình công nghiệp nhẹ |  | Cấp III trở lên |
| **III** | **CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG KỸ THUẬT** | | |
| III.1 | Công trình cấp nước |  | Cấp II trở lên |
| III.2 | Công trình thoát nước |  | Cấp II trở lên |
| III.3 | Công trình xử lý chất thải rắn |  | Cấp II trở lên |
| III.4 | Công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động | Nhà, trạm viễn thông, cột ăng ten, cột treo cáp | Cấp III trở lên |
| III.5 | Nhà tang lễ; cơ sở hỏa táng |  | Cấp II trở lên |
| III.6 | Nhà để xe (ngầm và nổi) Cống, bể, hào, hầm tuy nen kỹ thuật |  | Cấp II trở lên |
| **IV** | **CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG** | | |
| IV.1 | Đường bộ | Đường ô tô cao tốc | Mọi cấp |
| Đường ô tô, đường trong đô thị | Cấp III trở lên |
| Bến phà | Cấp III trở lên |
| Bến xe; cơ sở đăng kiểm phương tiện giao thông đường bộ; trạm thu phí; trạm dừng nghỉ | Cấp III trở lên |
| Đường sắt | Đường sắt cao tốc, đường sắt tốc độ cao, đường sắt đô thị (đường sắt trên cao, đường tầu điện ngầm/Metro); đường sắt quốc gia; đường sắt chuyên dụng và đường sắt địa phương | Mọi cấp |
| Ga hành khách | Cấp III trở lên |
| Cầu | Cầu đường bộ, cầu bộ hành, cầu đường sắt, cầu phao | Cấp III trở lên |
| Hầm | Hầm đường ô tô, hầm đường sắt, hầm cho người đi bộ | Cấp III trở lên |
| Hầm tàu điện ngầm (Metro) | Mọi cấp |
| IV.2 | Công trình đường thủy nội địa | Cảng, bến thủy nội địa (cho hành khách) | Cấp II trở lên |
| Đường thủy có bề rộng (B) và độ sâu (H) nước chạy tầu (bao gồm cả phao tiêu, công trình chính trị) | Cấp II trở lên |
| IV.3 | Công trình hàng hải | Bến/cảng biển, bến phà (cho hành khách) | Cấp III trở lên |
| Các công trình hàng hải khác | Cấp II trở lên |
| IV.4 | Công trình hàng không | Nhà ga hàng không; khu bay (bao gồm cả các công trình bảo đảm hoạt động bay) | Mọi cấp |
| IV.5 | Tuyến cáp treo và nhà ga | Để vận chuyển người | Mọi cấp |
| Để vận chuyển hàng hóa | Cấp II trở lên |
| **V** | **CÔNG TRÌNH NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN** | | |
| V.1 | Công trình thủy lợi | Công trình cấp nước | Cấp II trở lên |
| Hồ chứa nước | Cấp III trở lên |
| Đập ngăn nước và các công trình thủy lợi chịu áp khác | Cấp III trở lên |
| V.2 | Công trình đê điều |  | Mọi cấp |